

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI  
SÔNG ĐÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Xuân Luật	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Đình Toại	Thành viên
Ông Nguyễn Đại Thu	Thành viên
Ông Đoàn Văn Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Toại	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Phan Đình Toại**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013





Số: 01/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà

**Kính gửi:** Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 30 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 22. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

*Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau :*

Như đã trình bày tại thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến các công trình đang thi công dở dang của các phần việc chưa được nghiệm thu, quyết toán. Theo số liệu tính toán của bộ phận kỹ thuật Công ty, khối lượng dở dang thực tế phát sinh chưa được quyết toán đến ngày 31/12/2012 là phù hợp với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 31/12/2012 trên báo cáo tài chính của Công ty.

**CHUNG THỰC SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực ..... 02 SGT/BS ..... Quyền số .....  
Ngày 23 tháng 5 năm 2013



Nguyễn Minh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/K

Phạm Thị Hòa  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0443/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Đỗ Quyết Thắng*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

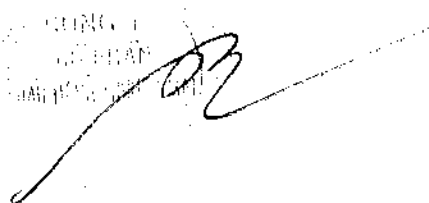
**MÀU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)			
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
1. Tiền	110	110.800.433.894	61.184.742.364
	111	13.612.704.005	9.968.055.096
	111 4	13.612.704.005	9.968.055.096
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	120	160.000.000	200.000.000
	121	160.000.000	200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>			
1. Phải thu khách hàng	130	60.688.015.580	25.513.361.618
2. Trả trước cho người bán	131	59.869.920.475	21.026.614.100
3. Các khoản phải thu khác	132	3.476.614.569	4.709.561.806
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	135	978.430.597	1.285.712.567
	139	(3.636.950.061)	(1.508.526.855)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>			
1. Hàng tồn kho	140	19.987.342.974	22.247.238.809
	141	19.987.342.974	22.247.238.809
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1. Tài sản ngắn hạn khác	150	16.352.371.335	3.256.086.841
	158	16.352.371.335	3.256.086.841
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)</b>			
<b>I. Tài sản cố định</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	200	13.573.282.009	11.896.055.525
	220	13.319.070.875	11.871.537.347
- Nguyên giá	221	13.319.070.875	11.871.537.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	222	22.747.794.261	18.438.188.504
	223	(9.428.723.386)	(6.566.651.157)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	260	254.211.134	24.518.178
	261	254.211.134	24.518.178
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270	<b>124.373.715.903</b>	<b>73.080.797.889</b>

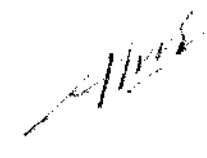
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>95.861.411.863</b>	<b>52.450.489.872</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.861.411.863</b>	<b>50.512.515.993</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	20.850.986.933	7.151.486.388
2. Phải trả người bán	312	12	14.067.537.462	6.496.117.019
3. Người mua trả tiền trước	313	13	38.281.417.025	21.302.110.642
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.496.990.610	3.494.768.390
5. Phải trả người lao động	315		11.842.538.236	7.859.349.917
6. Chi phí phải trả	316	15	2.791.871.145	29.431.635
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.053.725.516	3.991.769.057
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		476.344.936	187.482.945
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>1.937.973.879</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.937.973.879
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>28.512.304.040</b>	<b>20.630.308.017</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>28.512.304.040</b>	<b>20.630.308.017</b>
1. Vốn điều lệ	411		13.199.410.000	10.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		859.152.222	650.629.880
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.381.062.772	617.903.847
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		830.906.708	466.091.000
5. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		7.241.772.338	8.895.683.290
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>124.373.715.903</b>	<b>73.080.797.889</b>

  
 Phan Đình Toại  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

  
 Nguyễn Khắc Sơn  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Anh Tuấn  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	97.756.908.552	86.583.143.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		97.756.908.552	86.583.143.788
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	80.539.775.769	68.874.672.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.217.132.783	17.708.471.107
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		574.836.019	481.157.273
7. Chi phí tài chính	22		1.871.665.976	1.637.007.097
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.843.237.458	1.637.007.097
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.862.139.793	5.628.410.849
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		9.058.163.033	10.924.210.434
11. Thu nhập khác	31		56.123.765	14.228.119
12. Chi phí khác	32		120.507.430	753.972
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		(64.383.665)	13.474.147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.993.779.368	10.937.684.581
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.573.911.389	1.919.707.926
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.419.867.979	9.017.976.655
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	6.018	9.018

**Phan Đình Toại**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

**Nguyễn Khắc Sơn**  
 Kế toán trưởng

**Phan Anh Tuấn**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	79.802.713.990	93.423.302.904
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(52.129.128.975)	(48.801.205.241)
3. Tiền chi trả cho người lao động	2	(17.606.358.816)	(17.784.131.746)
4. Tiền chi trả lãi vay	3	(1.814.145.291)	(1.614.677.241)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	4	-	(455.822.029)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5	2.381.256.454	1.770.041.603
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	6	(4.649.843.917)	(11.782.113.531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.984.493.445</b>	<b>14.755.394.719</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.669.510.000)	(8.674.974.185)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.540.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	550.388.798	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.579.121.202)</b>	<b>(8.874.974.185)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.477.750.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	34.119.234.370	14.238.956.413
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.357.707.704)	(9.772.407.146)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.710.655.561)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13.239.276.666</b>	<b>1.755.893.706</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>3.644.648.909</b>	<b>7.636.314.240</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>9.968.055.096</b>	<b>2.331.740.856</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>13.612.704.005</b>	<b>9.968.055.096</b>

Phan Đình Toại  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Khắc Sơn  
 Kế toán trưởng

Phan Anh Tuấn  
 Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103022680 ngày 29/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 08 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 11.477.750.000 VND.

<b>Danh sách các cổ đông sáng lập</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần VND</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	150.000	1.500.000.000
Ông Trần Văn Vinh	15.000	150.000.000
Ông Phan Đình Toại	295.000	2.950.000.000
Ông Đỗ Xuân Luật	10.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>470.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 278 người (năm 2011: 280 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình ngầm và mở; Thiết kế các công trình xây dựng cầu đường, công trình thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật; Sản xuất và mua bán điện thương phẩm; Thi công công trình đường dây và trạm đến 110KV; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đến nhóm A; Thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng (trong phạm vi các chứng chỉ thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp; Thiết kế cơ điện công trình; Giám sát thi công xây dựng thủy lợi, giao thông, thủy điện, trong lĩnh vực xây dựng hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình, hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng; Tư vấn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp; Thí nghiệm địa kỹ thuật, đo địa lý; Thi công, đào hầm và khai thác đá; Thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông; Thi công gia cố và xử lý nền móng các công trình; Tổng thầu xây dựng, quản lý dự án các công trình xây dựng; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị khảo sát dân dụng, công nghiệp, vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội ngoại thất; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Kinh doanh nước sạch; Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); đại diện thương nhân; Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.

**Các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, để dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2012</b>
	<b>(Số năm khấu hao)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị (*)	08
Phương tiện vận tải (*)	10
Thiết bị dụng cụ quản lý (*)	03

(\*) Công ty đang áp dụng mức khấu hao nhanh 02 lần đối với một số tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí đồ dùng văn phòng; tù sách, bản làm việc được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả thể hiện giá trị trích trước chi phí cho các công trình xây dựng chưa tập hợp đủ chi phí phát sinh tương ứng với phần doanh thu được xác nhận trên phiếu giá đã ghi nhận trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.972.040.264	279.594.965
Tiền gửi ngân hàng	10.640.663.741	9.688.460.131
	<u>13.612.704.005</u>	<u>9.968.055.096</u>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Ban điều hành thủy điện Huội Quang	28.860.425.514	-
Chi nhánh Công ty BITEXCO - Nho Quế - Điện Biên	6.496.720.329	1.279.535.107
Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng - Công ty TNHH 1 thành viên (LICOGI)	5.761.321.153	2.032.716.224
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	4.049.454.550	-
Ban điều hành thủy điện Sơn La	4.016.196.495	6.259.523.635
Ban điều hành thủy điện Hòa Na	2.383.239.329	3.384.150.505
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	2.630.259.513	1.621.967.542
Công ty CP Sông Đà 9	1.390.069.476	1.490.069.476
Các đối tượng khác	4.282.234.116	4.958.651.611
	<u>59.869.920.475</u>	<u>21.026.614.100</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn xây dựng & Phát triển điện LTD	746.138.517	746.138.517
Công ty CP Xây dựng Sơn Lâm	412.579.000	355.382.000
Công ty CP Thiết bị phụ tùng	977.891.463	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Thịnh	650.000.000	-
Các đối tượng khác	690.005.589	3.608.041.289
	<u><b>3.476.614.569</b></u>	<u><b>4.709.561.806</b></u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	100.360.000	98.308.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	19.886.982.974	22.148.930.809
<b>Cộng</b>	<u><b>19.987.342.974</b></u>	<u><b>22.247.238.809</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<u><b>19.987.342.974</b></u>	<u><b>22.247.238.809</b></u>

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang phản ánh toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến các công trình đang thi công dở dang của các phần việc chưa được nghiệm thu, quyết toán. Theo số liệu tính toán của bộ phận kỹ thuật Công ty, khối lượng dở dang thực tế phát sinh chưa được quyết toán đến ngày 31/12/2012 là phù hợp với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 31/12/2012 trên báo cáo tài chính của Công ty.

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.469.555.985	2.856.086.841
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình (i)	4.882.815.350	400.000.000
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	7.000.000.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	3.000.000.000	-
	<u><b>16.352.371.335</b></u>	<u><b>3.256.086.841</b></u>

(i): Bao gồm 382.815.350 đồng ký quỹ để bảo lãnh hợp đồng thi công xây dựng và khoản tiền gửi tiết kiệm 4.500.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình. Chi tiết hợp đồng vay xem Thuyết minh số 11.

(ii): Là khoản tiền gửi tiết kiệm 7.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Chi tiết hợp đồng vay xem Thuyết minh số 11.

(iii): Là khoản tiền gửi tiết kiệm 3.000.000.000 đồng mang đi làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chi tiết hợp đồng vay xem Thuyết minh số 11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	7.122.548.727	9.488.187.921	1.492.024.675	335.427.181	18.438.188.504
Mua sắm mới	-	4.507.145.757	-	42.960.000	4.550.105.757
Thanh lý	-	(240.500.000)	-	-	(240.500.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.122.548.727</u>	<u>13.754.833.678</u>	<u>1.492.024.675</u>	<u>378.387.181</u>	<u>22.747.794.261</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	71.225.487	5.669.720.563	750.885.507	74.819.600	6.566.651.157
Khấu hao trong năm	272.217.958	2.260.740.482	298.404.935	150.958.849	2.982.322.224
Thanh lý	-	(120.249.995)	-	-	(120.249.995)
Tại ngày 31/12/2012	<u>343.443.445</u>	<u>7.810.211.050</u>	<u>1.049.290.442</u>	<u>225.778.449</u>	<u>9.428.723.386</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2012	<u>7.051.323.240</u>	<u>3.818.467.358</u>	<u>741.139.168</u>	<u>260.607.581</u>	<u>11.871.537.347</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>6.779.105.282</u>	<u>5.944.622.628</u>	<u>442.734.233</u>	<u>152.608.732</u>	<u>13.319.070.875</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2012 là 1.842.954.473 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 1.221.764.551 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	24.518.178	153.328.982
Tăng trong năm	486.436.086	233.254.551
Phân bổ vào chi phí trong năm	(256.743.130)	(362.065.355)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>254.211.134</b>	<b>24.518.178</b>

**11. VAY NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.850.986.933</b>	<b>5.257.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (i)	12.328.325.866	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	5.967.445.500	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	2.555.215.567	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Hà Nội	-	257.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>1.894.486.388</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	1.224.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (i)	-	669.686.388
	<b>20.850.986.933</b>	<b>7.151.486.388</b>

- (i) Theo hợp đồng số 190.12.011.803999.TD ngày 02/07/2012. Hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã thế chấp 2 khu nhà Văn phòng với tổng nguyên giá là 7.122.548.727 đồng, khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Quân đội trị giá 4,5 tỷ đồng và các lợi ích khác phát sinh từ giấy tờ có giá cầm cố trên.
- (ii) Theo hợp đồng số 118010000078949 ngày 22/06/2012. Hạn mức cho vay là 7 tỷ, thời hạn 12 tháng từ 22/6/2012 đến 22/6/2013. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương với giá trị 07 tỷ đồng.
- (iii) Theo hợp đồng tín dụng hạn mức cấp tín dụng và bảo lãnh số 01.5000517/HĐHM/2012 ngày 15/11/2012. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tỷ đồng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hiền Quán	2.200.193.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hoàng Sơn	1.890.957.350	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Hưng	1.755.263.432	-
Chi nhánh Sông Đà 9.05	1.554.690.731	1.545.023.491
Công ty Lắp máy điện nước	784.234.847	315.791.836
Các đối tượng khác	5.882.198.102	4.635.301.692
	<b>14.067.537.462</b>	<b>6.496.117.019</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	31.897.008.352	17.511.642.517
Ban Quản lý dự án Công ty TNHH Thủy lợi Phù Quý	4.704.000.000	-
Các đối tượng khác	1.680.408.673	3.790.468.125
	<u><b>38.281.417.025</b></u>	<u><b>21.302.110.642</b></u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.771.414.630	677.836.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.383.514.997	2.809.603.608
Thuế thu nhập cá nhân	342.060.983	7.328.214
	<u><b>6.496.990.610</b></u>	<u><b>3.494.768.390</b></u>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí Công trình thủy điện Nậm Mức	2.277.579.710	-
Chi phí phải trả khác	514.291.435	29.431.635
	<u><b>2.791.871.145</b></u>	<u><b>29.431.635</b></u>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	189.981.739	156.377.555
Bảo hiểm xã hội	261.942.016	29.344.145
Bảo hiểm y tế	67.750.419	-
Bảo hiểm thất nghiệp	30.111.296	-
Phải trả khác	503.940.046	3.806.047.357
	<u><b>1.053.725.516</b></u>	<u><b>3.991.769.057</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>604.305.101</b>	<b>200.980.845</b>	<b>234.467.110</b>	<b>2.630.302.192</b>	<b>13.670.055.248</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.017.976.655	9.017.976.655
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	46.324.779	416.923.002	231.623.890	(2.752.595.557)	(2.057.723.886)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>650.629.880</b>	<b>617.903.847</b>	<b>466.091.000</b>	<b>8.895.683.290</b>	<b>20.630.308.017</b>
Tăng vốn trong năm (i)	1.477.750.000	-	-	-	-	1.477.750.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.419.867.979	7.419.867.979
Phân phối lợi nhuận trong năm (ii)	1.721.660.000	242.522.342	6.055.940.749	364.815.708	(8.895.630.790)	(510.741.991)
Giảm khác (iii)	-	(34.000.000)	(292.781.824)	-	(178.098.141)	(504.879.965)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>13.199.410.000</b>	<b>859.152.222</b>	<b>6.381.062.772</b>	<b>830.906.708</b>	<b>7.241.772.338</b>	<b>28.512.304.040</b>

(i) Tăng vốn trong năm bao gồm tăng vốn do đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng từ ngày 08/12/2011 (ngày bắt đầu chào bán) đến ngày 08/03/2012 (ngày kết thúc chào bán). Công ty đã bán được 147.775 cổ phiếu, tương đương 1.477.750.000 VND cho các cổ đông hiện tại. Công ty đã làm báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08BC/2012/SODIC/HĐQT ngày 16/03/2012 gửi Ủy ban chứng khoán.

(ii) Phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/SODIC/NQ-DHĐCĐ ngày 27/04/2012. Cụ thể như sau:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.721.660.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.055.940.749 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	364.815.708 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	510.741.991 VND
- Trích quỹ khác	242.522.342 VND
	<b>8.895.680.790 VND</b>

Toàn bộ phần chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ phân phối từ lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã được ghi tăng vốn điều lệ trong năm.

(iii) Giảm khác bao gồm:

- Thanh toán chi phí đại hội cổ đông năm 2012 với số tiền 34.000.000 VND;
- Nộp tiền học phí cho Ban lãnh đạo Công ty với số tiền 292.781.824 VND;
- Điều chỉnh lợi nhuận của Công trình Hương Sơn với số tiền 178.097.141 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 16/08/2012, vốn điều lệ của Công ty là 11.477.750.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2012	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	1.500.000.000	13,07	1.725.000.000	13,07
Ông Phan Đình Toại	2.950.000.000	25,70	3.392.500.000	25,70
Ông Trần Văn Vinh	150.000.000	1,31	172.500.000	1,31
Ông Đỗ Xuân Luật	100.000.000	0,87	115.000.000	0,87
Cổ đông khác	6.777.750.000	59,05	7.794.410.000	59,05
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.477.750.000</b>	<b>100,0</b>	<b>13.199.410.000</b>	<b>100,0</b>

Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số vốn thực tế đến ngày 31/12/2012.

**Tình hình phát hành cổ phiếu:**

	Đơn vị	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	1.319.941	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			
+ Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	1.319.941	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			
+ Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	1.319.941	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	10.000	10.000

**18. DOANH THU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>97.756.908.552</b>	<b>86.583.143.788</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	97.756.908.552	86.583.143.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>97.756.908.552</b>	<b>86.583.143.788</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	82.316.991.949	68.874.672.681
<b>Cộng</b>	<b>80.539.775.769</b>	<b>68.874.672.681</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	28.108.756.389	29.252.623.305
Chi phí nhân công trực tiếp	21.958.549.852	17.791.111.196
Chi phí Khấu hao tài sản cố định	5.342.299.600	3.011.032.348
Chi phí mua ngoài, chi phí khác	32.191.908.454	25.545.659.811
<b>Cộng</b>	<b>87.601.514.295</b>	<b>75.600.426.660</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.993.779.368	10.937.684.581
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	32.075.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		32.075.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.993.779.368</b>	<b>10.969.759.581</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.248.444.842</b>	<b>2.742.439.895</b>
Giảm 30% thuế TNDN (*)	(674.533.453)	(822.731.969)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.573.911.389</b>	<b>1.919.707.926</b>

(\*) Năm 2012 Công ty tiếp tục được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do thuộc đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định tại thông tư này.

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.419.867.979	9.017.976.655
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.232.895	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.018</b>	<b>9.018</b>
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ 1 Cổ phiếu)	10.000	10.000

**23. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo quy định hiện hành, Công ty được phép trích dự phòng bảo hành công trình không quá 05% giá trị công trình nhằm đảm bảo cho chi phí hàng năm phát sinh đều đặn và có nguồn để chi khi thực tế phát sinh. Tuy nhiên, Công ty cho rằng theo số liệu thống kê trong các năm qua thì các chi phí bảo hành phát sinh hàng năm là không lớn, do đó đến ngày 31/12/2012 Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình đã hoàn thành theo quy định trong hợp đồng. Công ty sẽ hoạch toán toàn bộ chi phí bảo hành phát sinh hàng năm vào chi phí trong các kỳ tương ứng, do đó chi phí bảo hành thực tế phát sinh hàng năm sẽ có biến động không đều ảnh hưởng làm tăng, giảm lợi nhuận hàng năm của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	<u>Bản chất bên liên quan</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
<b>Bán hàng</b>		VND	VND
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Cổ đông lớn của Công ty	12.202.943.199	-

*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>Bản chất bên liên quan</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		VND	VND
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Cổ đông lớn của Công ty	2.630.259.513	1.621.967.542
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Cổ đông lớn của Công ty	131.923.049	131.923.049

*Thu nhập của Ban Giám đốc:*

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	814.634.068	856.523.588

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	20.850.986.933	9.089.460.267
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.612.704.005	9.968.055.096
Nợ thuần	7.238.282.928	(878.594.829)
Vốn chủ sở hữu	28.512.304.040	20.630.308.017
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	25,39%	-4,26%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.612.704.005	9.968.055.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.211.401.011	20.803.799.812
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.000.000	200.000.000
Các khoản ký quỹ	14.882.815.350	400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.866.920.366</b>	<b>31.371.854.908</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	20.850.986.933	9.089.460.267
Phải trả người bán và phải trả khác	15.121.262.978	10.487.886.076
Chi phí phải trả	2.791.871.145	29.431.635
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.764.121.056</b>	<b>19.606.777.978</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

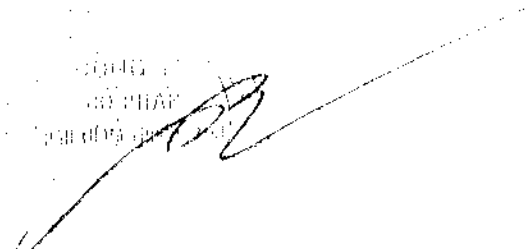
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**


Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

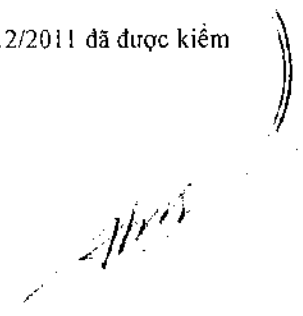
**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

  
Phan Đình Toại  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

  
Nguyễn Khắc Sơn  
Kế toán trưởng

  
Phan Anh Tuấn  
Người lập biểu